

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|                                       |                                     |
|---------------------------------------|-------------------------------------|
| 1.1 Tên học phần (tiếng Việt):        | Pháp luật về giao dịch bảo đảm      |
| 1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):         | Law on Secured Transactions         |
| 1.3 Trình độ đào tạo:                 | Cử nhân                             |
| 1.4 Hướng đào tạo:                    | Ứng dụng                            |
| 1.5 Mã học phần:                      | 011333                              |
| 1.6 Số tín chỉ:                       | 02                                  |
| 1.7 Thuộc khối kiến thức              | Kiến thức ngành                     |
| 1.8 Phân bổ thời gian:                |                                     |
| - Lý thuyết:                          | 15t                                 |
| - Nghiên cứu tình huống và thảo luận: | 0                                   |
| - Thực hành tích hợp                  | 15t                                 |
| - Tự học:                             | 70t                                 |
| 1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:   | Bộ môn Luật/Khoa Kinh tế-Luật       |
| 1.9 Điều kiện tham gia học phần:      |                                     |
| - Điều kiện tiên quyết:               | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật |
| - Học phần học trước:                 | Không                               |
| - Học phần song hành:                 | Không                               |

### 1. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần Pháp luật về giao dịch bảo đảm bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (ii) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iv) Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; (v) Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

### 3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

#### 3.1. Mục tiêu chung

Sinh viên phân tích được pháp luật về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, xác định đặc điểm pháp lý của từng biện pháp bảo đảm, biết xác lập giao dịch bảo đảm, đánh giá được hiệu lực của giao dịch bảo đảm và hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba; biết thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm và các phương thức để xử lý tài sản đảm bảo; bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia xác lập các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể

#### ❖ Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, bản chất của các giao dịch bảo đảm; điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm; xác lập giao dịch bảo đảm và hiệu lực của giao dịch bảo đảm;
- Phân biệt được các biện pháp bảo đảm đối vật và các biện pháp bảo đảm đối nhân; các biện pháp bảo đảm ước định và các biện pháp bảo đảm pháp định;
- Phân tích được các quyền và hệ quả của các quyền của bên nhận bảo đảm trong giao dịch bảo đảm; đối tượng để bảo đảm và nghĩa vụ được bảo đảm; các loại chủ thể của giao dịch bảo đảm;
- Phân biệt được đối tượng của từng hợp đồng bảo đảm và sự ảnh hưởng của nó đến thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng bảo đảm;
- Áp dụng được kiến thức pháp luật về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, xác định đặc điểm pháp lý của từng biện pháp bảo đảm;
- So sánh được quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật của một số nước về giao dịch bảo đảm.

#### ❖ Kỹ năng:

- Tập hợp hóa các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế;
- Vận dụng các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể pháp luật;
- Đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng;
- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; xây dựng kỹ năng tư duy sáng tạo.

#### ❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nâng cao ý thức pháp luật khi xác lập và thực hiện giao dịch bảo đảm;
- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và kỹ năng giải quyết những vấn đề pháp lý.

## 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

### 4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu             | Nội dung   |
|---------------------|--|
| <b>Về kiến thức</b> |  |
| CLO1                | Ghi nhớ các khái niệm cơ bản liên quan đến giao dịch bảo đảm.                                |
| CLO2                | Trình bày được những quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.                            |
| CLO3                | Áp dụng pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ vào việc xác lập các biện pháp bảo đảm trong thực tiễn |

|  |  |
|--|--|
| CLO4                                     | Đề xuất các phương án giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ bảo đảm nghĩa vụ |
| <b>Về kỹ năng</b>                        |  |
| CLO5                                     | Giải quyết những tình huống thực tiễn pháp lý liên quan đến việc xác lập giao dịch bảo đảm và hiệu lực của giao dịch bảo đảm             |
| CLO6                                     | Đánh giá những bất cập và hạn chế trong quy định pháp luật về các hoạt động thương mại để đề xuất hoàn thiện                             |
| CLO7                                     | Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tranh luận và phản biện về một vấn đề cụ thể                                   |
| <b>Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b> |  |
| CLO8                                     | Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật khi tham gia giao dịch bảo đảm nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể pháp luật     |
| CLO9                                     | Phát huy tinh thần trách nhiệm, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp  |
| CLO10                                    | Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, đổi mới tư duy và kỹ năng giải quyết những vấn đề pháp lý.             |

#### 4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

| PLO                      | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
|--------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|
| CLO 1                    |     |     | M   |     |     |     |     |     |     |      |
| CLO 2                    |     |     | M   |     |     |     |     |     |     |      |
| CLO 3                    |     |     | M   |     |     |     |     |     |     |      |
| CLO 4                    |     |     | M   |     |     |     |     |     |     |      |
| CLO 5                    |     |     |     |     |     |     | M   |     |     |      |
| CLO6                     |     |     |     |     |     |     | M   |     |     |      |
| CLO7                     |     |     |     |     |     |     | M   |     |     |      |
| CLO8                     |     |     |     |     |     |     |     |     | M   |      |
| CLO9                     |     |     |     |     |     |     |     |     | M   |      |
| CLO10                    |     |     |     |     |     |     |     |     | M   |      |
| <b>Tổng hợp học phần</b> |     |     | M   |     |     |     | M   |     | M   |      |

#### 5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

| Thời gian     | Nội dung   | Hình thức tổ chức dạy-học |                    |                                    |                       | Phương pháp giảng dạy-học tập  | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp  |
|---------------|--|---------------------------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|--|---|
|               |  | GIỜ LÊN LỚP               |                    |                                    |                       |  |   |
|               |  | Lý thuyết                 | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |  |   |
| <b>Tuần 1</b> | <p><b>Chương 1. Khái quát chung về giao dịch bảo đảm</b></p> <p>1.1 Khái niệm và đặc điểm của giao dịch bảo đảm</p> <p>1.2. Các biến thể của giao dịch bảo đảm</p> <p>1.3. Các loại quyền của bên nhận bảo đảm trong giao dịch bảo đảm</p> <p>1.4. Đối tượng để bảo đảm và đối tượng được bảo đảm</p> <p>1.5. Chủ thể trong giao dịch bảo đảm</p> <p>1.6, Khái quát hệ thống pháp luật về giao</p> | 3                         | 2                  | 0                                  | 12                    | <p>-GV: Thuyết giảng, phát vấn. nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống</p> <p>-SV: Nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống</p> | <p>- Đọc: Giáo trình Luật dân sự Tập 1 (nội dung về giao dịch dân sự, Tài sản và quyền sở hữu); Giáo trình Luật dân sự Tập 2 (nội dung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ); Bộ luật dân sự năm 2015</p> <p>- Câu hỏi chuẩn bị: So sánh quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật của một số nước về giao dịch bảo đảm?</p> |
| <b>Tuần 2</b> | <p><b>Chương 2. Pháp luật về tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm</b></p> <p>2.1. Tài sản bảo đảm</p> <p>2.2. Xử lý tài sản bảo đảm</p>  | 3                         | 2                  | 0                                  | 12                    | <p>-GV: Thuyết giảng, phát vấn. nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên</p>  | <p>- Đọc Sách chuyên khảo "Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân</p>   |

| Thời gian     | Nội dung  | Hình thức tổ chức dạy-học |                    |                                    |                       | Phương pháp giảng dạy-học tập   | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp   |
|---------------|---|---------------------------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|---|--|
|               |   | GIỜ LÊN LỚP               |                    |                                    |                       |   |  |
|               |   | Lý thuyết                 | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |   |  |
|               |   |                           |                    |                                    |                       | thảo luận, giải quyết tình huống<br>-SV: Nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống                | sự năm 2015”;<br>Bộ luật dân sự năm 2015<br>- Chuẩn bị câu hỏi:<br>Lấy các ví dụ về các trường hợp được xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và theo sự thỏa thuận của các bên? |
| <b>Tuần 3</b> | <b>Chương 3. Xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch bảo đảm</b><br>3.1 Xác lập giao dịch bảo đảm<br>3.2 Thực hiện giao dịch bảo đảm<br>3.3 Chấm dứt giao dịch bảo đảm | 2                         | 3                  | 0                                  | 12                    | -GV: Thuyết giảng, phát vấn, nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống<br>-SV: Nghe giảng, ghi chép những nội dung cần | -Đọc: Sách chuyên khảo “9 biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng” (Chương 4,5; từ trang 320 đến 505);<br>Bộ luật dân sự năm 2015;<br>Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014.                |

| Thời gian | Nội dung  | Hình thức tổ chức dạy-học |                    |                                    |                       | Phương pháp giảng dạy-học tập   | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp  |
|-----------|---|---------------------------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|---|---|
|           |   | GIỜ LÊN LỚP               |                    |                                    |                       |   |   |
|           |   | Lý thuyết                 | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |   |   |
| Tuần 4    |   |                           |                    |                                    |                       | thiết, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống   | - <i>Chuẩn bị câu hỏi: Phân biệt sự khác nhau về căn cứ và hậu quả pháp lí của việc chấm dứt giao dịch bảo đảm với xóa đăng kí giao dịch bảo đảm.</i>   |
|           | <b>Chương 4. Đăng ký giao dịch bảo đảm</b><br>4.1 Khái quát về đăng ký giao dịch bảo đảm<br>4.2 Hệ thống cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm<br>4.3 Các trường hợp đăng ký giao dịch bảo đảm<br>4.4 Phân loại đăng ký giao dịch bảo đảm | 2                         | 3                  | 0                                  | 12                    | * GV: Thuyết giảng, phát vấn, nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống<br>* SV: Nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống | - <i>Đọc: Nghị định của Chính phủ số 102/2017/NĐ-CP ngày 15/10/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm; Bộ luật Hàng hải năm 2015; Luật Hàng không dân dụng năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2014; Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014.</i><br><i>Chuẩn bị câu hỏi: Nêu ví dụ và ý nghĩa pháp</i> |

| Thời gian | Nội dung  | Hình thức tổ chức dạy-học |                    |                                    |                       | Phương pháp giảng dạy-học tập   | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp  |
|-----------|---|---------------------------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|---|---|
|           |   | GIỜ LÊN LỚP               |                    |                                    |                       |   |   |
|           |   | Lý thuyết                 | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |   |   |
| Tuần 5    |   |                           |                    |                                    |                       |   | lý của đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, đăng ký xử lý tài sản và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm?   |
|           | <p><b>Chương 5. Các giao dịch bảo đảm đặc thù</b></p> <p>5.1. Thế chấp dự án bất động sản và nhà ở hình thành trong tương lai</p> <p>5.2. Thế chấp quyền tài sản</p> <p>5.3. Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất</p> <p>5.4. Thế chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh</p> <p>5.5. Bảo lãnh trong dân sự và trong hoạt động tín dụng ngân hàng</p> | 2                         | 3                  | 0                                  | 10                    | <p>*GV: diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p> <p>*SV: nghe giảng, ghi chép, thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của</p> | <p>-<i>Đọc: Nghị định của Chính phủ số 102/2017/NĐ-CP ngày 15/10/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm;</i></p> <p>Bộ luật Hàng hải năm 2015;</p> <p>Luật Hàng không dân dụng năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2014;</p> <p>Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014.</p> <p>- <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> Phân biệt việc xử lý tài sản là vận đơn, thế</p> |
| Tuần 6    | <b>Kiểm tra quá trình</b>   |                           |                    |                                    |                       |   |   |

| Thời gian   | Nội dung   | Hình thức tổ chức dạy-học |                    |                                    |                       | Phương pháp giảng dạy-học tập  | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp   |
|-------------|--|---------------------------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|--|--|
|             |  | GIỜ LÊN LỚP               |                    |                                    |                       |  |  |
|             |  | Lý thuyết                 | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |  |  |
|             |  |                           |                    |                                    |                       | GV và các nhóm khác.   | tiết kiệm, giấy tờ có giá với việc xử lý các tài sản cầm cố khác?  |
|             | <p><b>Chương 6. Giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm</b></p> <p>6.1. Nhận diện các dạng tranh chấp về giao dịch bảo đảm</p> <p>6.2. Các loại chứng cứ có giá trị chứng minh quyền trong giao dịch bảo đảm</p> <p>6.3. Trình tự giải quyết tranh chấp</p> <p>6.4. Lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trong giao dịch bảo đảm.</p> <p><b>Ôn tập kết thúc môn</b></p> | 3                         | 2                  | 0                                  | 12                    | <p>*GV: Giảng, phát vấn, nêu tình huống và giải đáp; - Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên</p> <p>*SV: Nghe giảng, ghi chép, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống; đặt câu hỏi</p> | <p>-<i>Đọc: Sách chuyên khảo “Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015”;</i></p> <p><i>Bộ luật dân sự năm 2015</i></p> <p>-<i>Chuẩn bị câu hỏi: Phân tích ưu, nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm</i></p> |
| <b>Tổng</b> |  | 15                        | 15                 | 0                                  | 70                    |  |  |

## 6. HỌC LIỆU:



**6.1. Tài liệu chính:**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam* (Tập 1,2), PGS.TS. Phạm Văn Tuyết, PGS.TS. Trần Thị Huệ (chủ biên), Nxb.Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2022
2. Trường Đại học Luật TP.HCM, *Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*. Nxb Hồng Đức, TP.HCM, năm 2017

**6.2. Tài liệu tham khảo:****\* Văn bản quy phạm pháp luật**

1. Bộ luật Dân sự năm 2015.
2. Luật Đất đai năm 2013.
3. Nghị định của Chính phủ số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định của Chính phủ số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.
4. Nghị định của Chính phủ số 102/2017/NĐ-CP ngày 15/10/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm.
5. Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT của Bộ Tư Pháp - Bộ Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/6/2016.
6. Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

**\*Sách:**

Trương Thanh Đức (2018), 9 biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

Vũ Thị Hồng Yến (2019), Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

**\*Trang web:**

[1] [Http://www.Luatvietnam.com.vn](http://www.Luatvietnam.com.vn)

[2] [Http://www.Vietlaw.gov.vn](http://www.Vietlaw.gov.vn)

[3] <http://www.nclp.gov.vn>

**7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN****7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần**

| TT | PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ  | MÔ TẢ  | CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ | CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN |
|----|---|--|----------------------|--------------------------|
| 1  | <b>Điểm chuyên cần:</b> Sinh viên đi học thường xuyên, không vắng quá 20% số buổi học | - Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. | CLO8, CLO9           | 10%                      |

|             |  |   |  |             |
|-------------|--|---|--|-------------|
|             |  | - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.  |  |             |
| 2           | <b>Thảo luận:</b> GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện, nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. | - Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại<br>- Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức về luật thương mại để giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động thương mại.<br>- Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV. | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO6,<br>CLO7          | 30%         |
| 4           | <b>Kiểm tra giữa kỳ:</b><br>Kiểm tra giữa kì 60 phút bằng hình thức trắc nghiệm, bài tập tình huống  | - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại.<br>- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý.<br>- Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.  | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7 | 60%         |
| <b>TỔNG</b> |  |   |  | <b>100%</b> |

### 7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

| PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ  | MÔ TẢ  | CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ           | CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN |
|---|--|---------------------------------|--------------------------|
| <b>BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN</b><br><br>Bài thi 60 phút, bao gồm 24 câu hỏi trắc nghiệm và 1-2 bài tập tự | <b>Đánh giá về kiến thức:</b><br>- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại<br>- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể. | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4 | 60%                      |

|   |   |                         |             |
|---|---|-------------------------|-------------|
| <p>luận về phân tích chính sách kinh tế vĩ mô và tính toán các chỉ số vĩ mô.</p> <p>-Phần trắc nghiệm có 24 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu 0,25 điểm) nội dung bao quát từ chương 1 đến chương 8, SV chọn đáp án đúng nhất tô vào phiếu trả lời.</p> <p>-Bài tập tự luận : yêu cầu sinh viên vận dụng quy định pháp luật để giải quyết tình huống cụ thể.</p> | <p><b>Đánh giá về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá khả năng phân tích, xử lý các thông tin để giải quyết tình huống.</li> <li>- Đánh giá được khả năng vận dụng được các quy định pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động thương mại.</li> <li>- Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phân biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân;</li> </ul>  | CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7  | 20%         |
|   | <p><b>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</b></p> <p>Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc cập nhật kiến thức mới, nắm bắt kịp thời, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao trong công việc.</li> </ul> | CLO8,<br>CLO9,<br>CLO10 | 20%         |
| <b>Tổng</b>   |   |                         | <b>100%</b> |

## 8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

### 8.1 Quy định về tham dự lớp học:

- Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham gia thảo luận nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần

### 8.2 Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên không nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, tuân thủ quy định của lớp học

### 8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần
- Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này
- Sinh viên không tham dự kỳ thi cuối kỳ thì bị coi là không hoàn thành học phần

## 9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

| Tiêu chí   | CĐR  | Tỷ lệ | Mức chất lượng  |  |  |  |
|--|--|-------|---|--|--|--|
|  |  |       | Không đạt   | Đạt  | Tốt  | Rất tốt  |
|  |  |       | 0 – 4.9   | 5.0 – 6.9  | 7.0 – 8.4  | 8.5 – 10   |
| Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu        | CLO8<br>CLO9   | 50%   | Tham dự < 70% số buổi học   | Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học   | Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học   | Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.  |
| Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO5,<br>CLO6,<br>CLO7,<br>CLO10 | 50%   | Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học. | Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học. | Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học. | Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học. |

Bảng Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

| Tiêu chí   | CĐR  | Tỷ lệ | Mức chất lượng   |   |   |   |
|--|------|-------|--|---|---|---|
|  |      |       | Không đạt  | Đạt   | Tốt   | Rất tốt   |
|  |      |       | 0 – 4.9  | 5.0 – 6.9   | 7.0 – 8.4   | 8.5 – 10  |
| Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm | CLO7 | 15%   | < 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm |

|   |  |     |   |  |   |  |
|---|--|-----|---|--|---|--|
| Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm | CLO8   | 10% | Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả. | Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả. | Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả. | Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả |
| Kỹ năng trình bày trước đám đông            | CLO7<br>CLO1<br>0                            | 15% | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe  | Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.   | Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.                     | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.                          |
| Tương tác/trả lời câu hỏi                   | CLO2<br>CLO3<br>CLO7                         | 30% | Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.   | Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.   | Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.  | Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.                           |
| Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm  | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4<br>CLO5<br>CLO6 | 30% | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.   | Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.   | Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.  | Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.                                   |

**Bảng Rubric đánh giá bài thi giữa kỳ-chiếm 60% điểm quá trình, cuối kỳ-chiếm 60% điểm học phần (Trắc nghiệm + Tự luận)**

| Tiêu chí                | CDR | Cấu trúc điểm thành phần | Tỷ lệ | Mức chất lượng |           |           |          |
|-------------------------|-----|--------------------------|-------|----------------|-----------|-----------|----------|
|                         |     |                          |       | Không đạt      | Đạt       | Tốt       | Rất tốt  |
|                         |     |                          |       | 0 - 4.9        | 5.0 - 6.9 | 7.0 - 8.4 | 8.5 - 10 |
| <b>Phần trắc nghiệm</b> |     |                          |       |                |           |           |          |

|  |                               |     |         |   |  |  |  |
|--|-------------------------------|-----|---------|---|--|--|--|
| Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ nhớ, hiểu (dễ)        | CLO1                          | 25% | 50%-60% | Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi. |
| Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ vận dụng (trung bình) | CLO2                          | 35% |         |   |  |  |  |
| Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ phân tích (khó)       | CLO3                          | 30% |         |   |  |  |  |
| Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ đánh giá (rất khó)    | CLO4                          | 10% |         |   |  |  |  |
| <b>Phần tự luận</b>                                    |                               |     | 40%-50% |   |  |  |  |
| Mức cơ bản   | CLO1<br>CLO2<br>CLO3          | 60% |         |   |  |  |  |
| Mức nâng cao   | CLO4<br>CLO5<br>CLO6<br>CLO10 | 40% |         |   |  |  |  |

Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

| Chuẩn đầu ra môn học | Tỷ lệ       | Mới bắt đầu   | Biết sơ sài  | Hiểu sơ bộ  | Hiểu căn kẽ  | Hiểu sâu  |
|----------------------|-------------|---|--|---|--|---|
|                      |             | 0 - 3.4   | 3.5 - 4.9  | 5.0 - 6.9   | 7.0-8.4  | 8.5-10  |
| CLO1                 | 6%          | Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc | Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận | Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng | Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng | Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới |
| CLO2                 | 11%         |   |  |   |  |   |
| CLO3                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO4                 | 13%         |   |  |   |  |   |
| CLO5                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO6                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO7                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO8                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO9                 | 10%         |   |  |   |  |   |
| CLO10                | 10%         |   |  |   |  |   |
| <b>Tổng điểm</b>     | <b>100%</b> |   |  |   |  |   |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

P. Hiệu trưởng ✓

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Vanle

Phuoc

Phuoc

TS Nguyễn Văn Thiện

Đỗ Ngọc Phước

TS Thị Song Hà